

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/DS-ST

Ngày: 01-12-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

2. Ông Rcom Blan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên;

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ C; địa chỉ: Thôn 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn T; địa chỉ: Số 22 T, phường H, Th phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh D; địa chỉ: Thôn C, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Những người làm chứng:

- Ông Lê Xung P;

- Bà Trương Thị Mỹ H;

- Ông Lê Trung Th;

- Ông Lê Trung K;

- Ông Lê Trung Q;

Cùng địa chỉ: Thôn 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Điều vắng mặt.

- Ông Nguyễn Trung Ngh; địa chỉ: Thôn 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai.
Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ông Huỳnh D có quan hệ họ hàng với bà Trương Thị Mỹ C. Ngày 16/8/2013, ông Huỳnh D có đến nhà Trương Thị Mỹ C hỏi vay tiền để giải quyết việc gia đình nên bà C có cho ông Huỳnh D vay số tiền 350.000.000 đồng, khi vay tiền ông D có viết 01 giấy vay tiền bằng giấy vở học sinh. Nội dung thể hiện ông Huỳnh D vay của bà C số tiền 350.000.000 đồng và ông D hẹn đến tháng 10/2013 sẽ trả cho bà C.

Khi đến hạn trả nợ, bà C nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng ông Huỳnh D nói khó khăn nên chưa có tiền trả cho bà C. Bà C đã nhiều lần yêu cầu ông Huỳnh D trả nợ. Do đó, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh D phải trả cho bà số tiền nợ là 350.000.000 đồng. Bà C không yêu cầu ông D phải chịu tiền lãi của số tiền nợ trên.

2. Bị đơn là ông Huỳnh D trình bày:

Bà Trương Thị Mỹ C là cháu bên vợ của ông Huỳnh D. Khoảng tháng 8/2013 bà C có nhờ ông D viết giúp cho bà C 01 giấy vay tiền để bà C lấy có vay tiền của người khác. Vì tin tưởng bà C là con cháu trong nhà nên ông D có viết 01 giấy vay tiền cho bà C tại nhà bà C. Lúc viết giấy vay tiền tại nhà bà C gồm có cha, mẹ, anh, em và chồng của bà C.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh D trình bày những người thân của bà C chứng kiến. Ông D đề nghị Tòa án lấy lời khai của ông Lê Xung P và bà Trương Thị Mỹ H; địa chỉ: Thôn 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai; chồng bà C là anh Lê Văn T; địa chỉ: Thôn 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai; anh, em chồng của bà C là anh Lê Trung K, Lê Trung Q ; địa chỉ: Thôn 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai để làm rõ việc vay mượn giữa bà C và ông D.

Tại Biên bản đối chất ngày 23/9/2022 giữa ông Huỳnh D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và tại phiên tòa, ông Huỳnh D xác định, vào thời điểm ông D viết giấy vay tiền của bà C thì những người thân nêu trên của bà C có mặt tại nhà bà C nhưng họ ngồi chơi ở vị trí khác nên chứng kiến và không biết việc bà C nhờ

ông D viết giấy vay tiền của bà C.

Đến khoảng cuối năm 2013, đầu năm 2014 ông D nghi ngờ bà C có ý lừa gạt ông D để chiếm đoạt tài sản và ông D có viết đơn trình báo gửi cho Công an huyện Chư Păh, đề nghị Công an huyện Chư Păh xác minh, làm rõ nhưng đến nay vẫn chưa có trả lời của Công an huyện Chư Păh. Trong suốt thời gian ông D viết giấy vay tiền cho bà C, bà C và gia đình ông D vẫn bình thường, bà C cũng không đòi ông D trả nợ, cho đến khi Tòa án gửi thông báo về cho ông D, ông D mới biết việc bà C khởi kiện ông vay tiền của bà C. Ông Huỳnh D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông D không vay tiền của bà C.

3. Lời khai của những người làm chứng:

3.1. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2022, ông Nguyễn Trung Ngh trình bày:

Ông Ngh là hàng xóm với bà C, không có mâu thuẫn với bà C và ông D. Ông Ngh không nhớ ngày, tháng, năm, vào thời gian buổi chiều, ông Ngh và bà H có đến nhà bà C chơi, một lúc sau có ông Huỳnh D đến nói chuyện với bà C. Sau đó, bà C có nhờ ông Ngh và bà H ký tên làm chứng về việc ông D vay tiền của bà C. Ông Ngh có nghe bà C đọc lại giấy vay với nội dung ông D vay của bà C số tiền 350.000.000 đồng. Còn cụ thể các bên thỏa thuận như thế nào thì ông Ngh không biết và cũng không chứng kiến việc giao nhận tiền vay.

3.2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2022, bà Phạm Thị H trình bày:

Bà H là hàng xóm với bà C, không có mâu thuẫn với bà C và ông D. Vào chiều ngày 16/8/2013 bà H và ông Ngh có đến nhà bà C chơi, một lúc sau có ông Huỳnh D đến nói chuyện với bà C. Sau đó, bà C có nhờ ông Ngh và bà H ký tên làm chứng về việc ông D vay tiền của bà C. Bà H có nghe bà C đọc lại giấy vay với nội dung ông D vay của bà C số tiền 350.000.000 đồng. Còn cụ thể các bên thỏa thuận như thế nào thì bà H không biết và cũng không chứng kiến việc giao nhận tiền vay.

3.3. Tại Bản tự khai ngày 09/9/2022, ông Lê Xung P trình bày:

Ông Lê Xung P là bố chồng của bà C, ông P không biết và không liên quan gì đến việc vay tiền giữa bà C và ông D.

3.4. Tại Bản tự khai ngày 09/9/2022, ông Lê Trung K trình bày:

Ông Lê Trung K là em chồng của bà C, ông K không có mâu thuẫn gì với bà C và ông D. Ông K không biết gì đến việc vay tiền giữa bà C và ông D.

3.5. Tại Bản tự khai ngày 09/9/2022, ông Lê Trung Th trình bày:

Ông Lê Trung Th là chồng của bà C, ông Th có nghe bà C nói lại là vào ngày 16/8/2013 bà C có cho ông D vay số tiền 350.000.000 đồng. Còn việc thỏa thuận cụ giữa các bên ông Th không biết.

3.5 Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2022, ông Lê Trung Q trình bày:

Ông Lê Trung Q là anh chồng của bà C, ông Q không có mâu thuẫn gì với bà C và ông D. Ông Q không biết gì đến việc vay tiền giữa bà C và ông D.

4. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Trương Thị Mỹ C khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Huỳnh D phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay nên quan hệ pháp luật có tranh chấp về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn C, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai được quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người làm chứng Nguyễn Trung Ngh và Phạm Thị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; đối với những người làm chứng, gồm: Ông Lê Xung P, bà Trương Thị Mỹ H, anh Lê Trung Th, anh Lê Trung K, anh Lê Trung Q đều vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, việc vắng mặt những người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo nội dung “*Giấy vay tiền*” ghi ngày 16/8/2013 thể hiện, ông Huỳnh D là người đã vay của bà Trương Thị Mỹ C số tiền 350.000.000 đồng, thời gian trả tiền gốc và lãi đến hết tháng 10/2013. Nguyên đơn trình bày, giấy vay tiền này do chính bị đơn là ông Huỳnh D đã viết và ký tên xác nhận là người vay tiền. Bị đơn là ông Huỳnh D thừa nhận rằng, giấy vay tiền này do chính bị đơn viết tại nhà của nguyên đơn và cùng ký tên xác nhận là người đi vay tiền. Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định vào ngày 16/8/2013, ông Huỳnh D đã viết giấy vay tiền của bà Trương Thị Mỹ C với số tiền 350.000.000 đồng là hoàn toàn có thật.

[3] Xét “*Giấy vay tiền*” đề ngày 16/8/2013 được lập bằng văn bản nên phù hợp với quy định của pháp luật về hình thức; nội dung thể hiện việc bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng và cam kết thời hạn trả tiền vay đến hết tháng 10/2013. Giấy vay này do chính bị đơn viết, ký tên xác nhận là người vay tiền. Bị đơn xác nhận khi viết giấy vay tiền hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Cho thấy, thời điểm viết “*Giấy vay tiền*”, bị đơn hoàn toàn làm chủ hành vi, ý chí tự nguyện nên hợp đồng vay có hiệu lực pháp luật, các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ đã thỏa thuận. Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận, trách nhiệm của người vay tiền là phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho bên cho vay khi đến hạn.

[4] Ông Huỳnh D trình bày, thực tế ông Huỳnh D không vay tiền mà chỉ viết giấy vay giúp cho bà C nhằm mục đích bà C viện cớ vay mượn tiền của người khác nên ông D không đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông Huỳnh D không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông D ký vào giấy vay tiền là không có thật mà chỉ nhằm mục đích giúp cho bà C vay tiền của người khác. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D cho rằng thời điểm ông viết giúp giấy vay tiền cho bà C thì có những người thân của bà C biết nên yêu cầu lấy lời khai của những người gồm: Ông Lê Xung P, bà Trương Thị Mỹ H, ông Lê Văn T, ông Lê Trung K, ông Lê Trung Q. Tuy nhiên, những người nêu trên đều khai không biết sự việc liên quan đến vay tiền giữa ông Huỳnh D và bà Trương Thị Mỹ C. Tại Biên bản đối chất ngày 23/9/2022 và tại phiên tòa, ông Huỳnh D xác định lại là những người nêu trên không chứng kiến và không biết việc bà C nhờ ông D viết giấy vay tiền của bà C, phù hợp với lời khai của những người làm chứng nên không có căn cứ chứng minh việc ông Huỳnh D viết giấy vay tiền để giúp cho bà C như đã trình bày.

[5] Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị đơn đã vay nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay như đã cam kết. Do đó, yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền vay 350.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ C.

Buộc ông Huỳnh D phải thanh toán cho bà Trương Thị Mỹ C toàn bộ số tiền nợ vay là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Huỳnh D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 17.500.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Về thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Vũ